TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2024
"*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngọc và bà Nguyễn Thị Lựu.

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 180/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/6/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Mai Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu dân cư (KDC) A, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương - Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Phan Văn T, sinh năm 1985; địa chỉ: KDC A, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương - Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

+ Ông Mai Văn Đ, sinh năm 1968 và bà Trần Thị D, sinh năm 1969; đều có địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện A, TP. Hải Phòng -Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Ông Phan Văn C, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958. Cùng trú tại: KDC A, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương - Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Mai Thị H trình bày như sau*:**

Chị và anh Phan Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K (nay là phường H, thị xã K), tỉnh Hải Dương vào ngày 08/10/2007. Sau ngày cưới, vợ

chồng chị về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh T ở KDC A, phường H, thị xã K. Năm 2018 bố mẹ chồng chị có cho vợ chồng chị đất và xây dựng nhà ra ở riêng. Thời kỳ đầu hôn nhân, vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng được một thời gian thì vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, hay cãi nhau vì những lý do nhỏ nhặt. Vợ chồng chị nhiều lần ngồi lại động viên, cùng nhau sửa đổi tính cách, bản thân. Cuộc sống vợ chồng bình thường đến năm 2021, anh T thường xuyên chơi bời, không chịu làm ăn kinh tế; không vun vén cho gia đình, chăm sóc con cái. Đỉnh điểm năm 2023, khi anh T đi làm than ngoài Quảng Ninh, anh T chơi cờ bạc với bạn bè dẫn đến nợ nần. Từ thời điểm đó, chị và anh T tuy ở chung nhà nhưng đã ly thân, chấm dứt hoàn toàn về mặt tình cảm, vợ chồng không quan tâm, nói chuyện với nhau. Chị có cho anh T thời gian sửa chữa bản thân nhưng chị thấy anh T không có sự thay đổi. Hiện nay anh T đi làm không có nhà, anh đi đâu, làm gì, ở đâu cũng không nói cho chị biết. Bình thường khoảng vài tuần, một tháng anh T có về thăm các con một lần nhưng những lần đó vợ chồng đều không nói chuyện với nhau. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chung sống vợ chồng chỉ còn trên danh nghĩa. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Phan Phương C, sinh ngày 24/7/2008 và Phan Quang Tr, sinh ngày 6/7/2009. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện chị đang lao động tại Công ty TNHH Zynztee Việt Nam tại khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng. Chị làm việc theo ca, thu nhập khoảng 8-10 triệu đồng/tháng, đảm bảo điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phan Văn T mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không trình bày ý kiến của mình, không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải không có lý do.

- Lời khai của người làm chứng:

+ Ông Mai Văn Đ và bà Trần Thị D là bố mẹ đẻ của chị H trình bày: Chị H và anh T đăng ký kết hôn tại UBND phường H vào năm 2007. Gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới cho anh T, chị H theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới, chị H về nhà bố mẹ đẻ anh T tại KDC A, phường H sinh sống. Cuộc sống vợ chồng anh chị bình thường, hòa thuận. Năm 2018 được bố mẹ chồng cho mảnh đất bên nhà xây dựng nhà cửa ở riêng. Do ở xa nên ông bà không biết rõ nguyên nhân mâu thuẫn là gì. Đến năm 2023, chị H về nhà có kể lại với ông bà anh T chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần. Anh T không chăm lo cho gia đình, con cái. Ông bà có động viên chị H để hai anh chị tiếp tục chung sống nhưng sau đó chị H nói anh T vẫn không chịu thay đổi. Ông bà xác định nguyên nhân chính dẫn đến anh chị mâu thuẫn xuất phát từ việc anh T không chịu làm ăn, chơi bời. Nay chị H yêu cầu xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của

các bên và theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là Phan Phương C và Phan Quang Tr. Ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Trường hợp chị H được nuôi con, ông bà sẽ hỗ trợ thêm về kinh tế cho chị H.

+ Bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ anh T trình bày: Chị H và anh T tự do kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K vào ngày 8/10/2007. Sau khi anh chị kết hôn, gia đình có tổ chức đám cưới cho anh chị theo phong tục của địa phương. Chị H chuyển về chung sống với gia đình bà tại KDC A, phường H. Năm 2018, vợ chồng bà có cho anh chị một phần đất bên nhà để anh chị xây dựng nhà ra ở riêng. Quá trình chung sống, chị H và anh T không có mâu thuẫn gì quá lớn. Năm 2023 anh T có chơi bời không chịu vun vén gia đình dẫn đến anh chị cãi nhau. Sau đợt cãi nhau này, anh T và chị H tuy vẫn chung nhà nhưng đã ly thân. Anh T, chị H mỗi người một cuộc sống, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị H vẫn ở nhà còn anh T đang làm than tại Quảng Ninh, địa chỉ cụ thể ở đâu bà không nắm rõ. Anh T đi làm khoảng nửa tháng đến một tháng về một lần. Gia đình bà cũng động viên anh T, chị H về đoàn tụ để gia đình êm ấm, cùng nhau nuôi dạy con cái. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Trường hợp chị H vẫn cương quyết ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án triệu tập anh T đến Tòa án làm việc, trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H. Bà đã thông báo lại cho anh T. Anh T có quan điểm: Đối với quan hệ hôn nhân: Anh T xác định vợ chồng anh chị có mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc anh T có chơi bời dẫn đến nợ nần, không vun vén kinh tế hỗ trợ vợ con. Nhưng nay anh T cũng đang đi làm để trả nợ. Anh T không muốn ly hôn vì sợ ảnh hưởng đến con cái, gia đình tan vỡ không ai chăm sóc các con. Nếu chị H vẫn kiên quyết ly hôn, anh T sẽ không đến Tòa án làm việc, chị H tự giải quyết ly hôn một mình. Về con chung: Anh T có quan điểm, nếu chị H không nuôi được con hay không nhận nuôi con, anh T sẽ nuôi và nhờ vợ chồng bà ở nhà hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu.

- UBND phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương cung cấp: Anh T và chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là phường H) vào ngày 8/10/2007. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh T. Quá trình kết hôn, anh chị có 2 con chung là Phan Phương C, sinh ngày 24/7/2008 và Phan Quang Tr, sinh ngày 6/7/2009. Nay chị H yêu cầu xin ly hôn anh T, địa phương không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể của anh chị như thế nào. Hiện nay, anh T thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì. Do vậy đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

- Công an phường H cung cấp: Anh T có số căn cước công dân số 030085002282 trên hệ thống dữ liệu dân cư hiện nay đều mang họ Phan. Theo căn cước công dân cũ được cấp năm 2016 anh T có họ Phạm. Theo như thông tin mà địa phương nắm được, hiện nay anh T đang đi làm than tại Quảng Ninh, không đăng ký tạm vắng tại địa phương.

Tại phiên tòa:

Chị H và anh T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của các đương sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mai Thị H được ly hôn anh Phan Văn T.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Phan Phương C, sinh ngày 24/7/2008 và Phan Quang Tr, sinh ngày 06/7/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung:* Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Mai Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Mai Thị H nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vắng mặt bị đơn anh Phan Văn T nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Tại các giấy tờ về nhân thân, hiện có mâu thuẫn về họ tên của anh T. Tại Căn cước công dân cấp ngày 31/5/2016 và Giấy chứng nhận kết hôn là Phạm Văn T; tại Giấy khai sinh của cháu Phan Phương C và Phan Quang Tr (là con anh T) lại thể hiện là Phan Văn T. Xác minh với UBND phường Hiến Thành, Công an phường Hiến Thành, lời khai ông Phan Văn C (bố đẻ anh T) thì anh T có họ là "Phan", anh T chưa làm Căn cước công dân mới, tuy nhiên trên hệ thống dữ liệu dân cư hiện nay mang họ Phan. Do vậy có cơ sở xác định bị đơn trong vụ án là anh Phan Văn T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, thấy rằng:

Chị Mai Thị H và anh Phan Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K (nay phường H, thị xã K), tỉnh Hải Dương vào ngày 8/10/2007. Do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống hòa

thuận sau đó đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H và những người làm chứng xác định anh T không tu chí làm ăn, hay chơi bời cờ bạc, không lo cho gia đình. Chị H và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Anh T mặc dù đã biết việc chị H xin ly hôn thông qua sự thông báo từ gia đình và nội dung các văn bản của Tòa án đã tống đạt, niêm yết tại địa phương nơi anh T cư trú. Nhưng anh T không trình bày ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, từ chối tham gia tố tụng thể hiện thái độ không hợp tác, bỏ mặc, đồng thời không thể hiện mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Nay chị H yêu cầu xin ly hôn anh T, Hội đồng xét xử thấy chị H và anh T đã có mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân nhiều năm. Xét tình cảm của anh chị không còn, không có khả năng đoàn tụ vợ chồng do vậy cần căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Mai Thị H được ly hôn anh Phan Văn T.

[4] Về con chung: Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là Phan Phương C, sinh ngày 24/7/2008 và Phan Quang Tr, sinh ngày 06/7/2009 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ lời khai của nguyên đơn và người làm chứng, thấy rằng anh T hiện đi làm xa, ít khi về và không quan tâm đến con cái. Chị H một mình thực hiện việc nuôi dưỡng và chăm sóc cháu C và cháu Tr. Chị H cung cấp chứng cứ chứng minh về thu nhập xác định mức lương trung bình hằng tháng của chị là từ 8.000.000 đồng trở lên. Chị H xác định bản thân có đủ điều kiện để nuôi con. Ngoài ra, cháu C và cháu Tr đều mong muốn được ở với chị H. Bố mẹ chị H có quan điểm nếu chị H được giao nuôi con, ông bà sẽ hỗ trợ chị H nuôi dưỡng, chăm sóc con do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao 02 cháu C và Tr cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mai Thị H được ly hôn anh Phan Văn T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Phan Phương C, sinh ngày 24/7/2008 và Phan Quang Tr, sinh ngày 06/7/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Mai Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0002524 ngày 14/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Báo chị H và anh T biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND phường Hiến Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Quyết